



kòu zi
扣子
noun · button

Example Sentences

wǒ de wài tàò diào le yī kē kòu zi
我的外套掉了一颗扣子。

My coat lost a button.

tā bāng wǒ bǎ kòu zi féng hǎo le
她帮我把扣子缝好了。

She helped me sew the button on.

Trace each character, then write the word on your own.

扣	扣	扣	扣	扣	扣	扣	扣	扣											
子	子	子	子	子	子														